

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2024/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 7 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế  
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục  
thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp  
tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới;  
cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;

Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho  
công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà  
nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cho công tác thỏa thuận  
quốc tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 100/BC-HĐND ngày 05  
tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến  
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các mức chi không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo và được tổng hợp chung vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 43/2022/TT-BTC.

### **Điều 3. Mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế**

1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Chi rà soát, đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác

điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế; chi tổ chức rà soát, đối chiếu văn bản thỏa thuận quốc tế được ký trong chuyến thăm của các đoàn lãnh đạo cấp cao nước ngoài tại Việt Nam hoặc chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

d) Chi tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## 2. Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế

a) Xây dựng hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP. Danh mục một bộ hồ sơ trình thực hiện theo quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 33 và khoản 4 Điều 34 của Luật Thỏa thuận quốc tế.

- Mức chi xây dựng hồ sơ trình về đề xuất ký kết mới thỏa thuận quốc tế như sau:

+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh: 10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ;

+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là *cơ quan cấp tỉnh của tổ chức*): 8.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ;



+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới: 6.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

- Mức chi xây dựng hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế như sau:

+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh: 8.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ;

+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức: 6.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ;

+ Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới: 4.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

b) Soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký). Mức chi như sau:

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh: 5.000.000 đồng/văn bản;

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức: 3.000.000 đồng/văn bản;

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới: 2.000.000 đồng/văn bản.

c) Xây dựng Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế (theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền) quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP. Mức chi như sau:

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo;

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức: 2.000.000 đồng/báo cáo;

- Thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới: 1.000.000 đồng/báo cáo.

d) Việc chi soạn thảo các bộ hồ sơ, văn bản, báo cáo quy định tại khoản này tính cho sản phẩm cuối cùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TX, TP;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắc Lắc, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

